TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày: 31-01-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Quang

2. Bà Phạm Thị Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Hoan – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2024/HSST-QĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Ngọc H; sinh ngày: 06/11/1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Nguyễn Thiện T, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn H và bà: Nguyễn Thị Ngọc D; vợ: Nguyễn Thị Phương D; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm: 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/9/2023 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 10.

2. Huỳnh Trần Quốc T; sinh ngày: 14/12/1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Nguyễn Thiện T, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: đường Bùi Minh T, Phường K,

Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Trung Q và bà: Huỳnh Thị Tuyết H; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/9/2023.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại: Công ty cổ phần đầu tư thương mại phát triển Nhất T

Trụ sở chính: đường Cộng H, Phường E, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1965 (có mặt)

(Theo giấy uỷ quyền số 05/2024/UQ-NT ngày 18/01/2024)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đỗ Ngọc H làm việc cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại phát triển Nhất T (gọi tắt là Công ty Nhất T) theo hợp đồng lao động số 5001800/HĐLĐ-NT/20221 ngày 01/5/2021, với công việc là nhân viên tư vấn giao nhận bằng xe máy. Lợi dụng việc bị cáo H được giao chìa khóa để mở cửa cho xe vào giao, nhận hàng tại địa chỉ Nguyễn Thượng H, Phường L, Quận D nên bị cáo H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Từ tháng 6/2023 đến tháng 8/2023, bị cáo H đã 04 lần dùng chìa khóa được giao mở cửa và lấy trộm các tài sản rồi mang đi tiêu thụ, như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng 7 giờ 00 ngày 22/6/2023, bị cáo H đến mở cửa lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung S23 Ultra màu xanh, còn nguyên hộp, cất vào trong người rồi đi ra bỏ vào cốp xe máy của bị cáo H. Sau đó, bị cáo H liên hệ bị cáo Huỳnh Trần Quốc T bán giúp, bị cáo T đồng ý. Bị cáo H mang chiếc điện thoại Samsung S23 Ultra đến trước địa chỉ đường Điện Biên P, Phường J, Quận A giao cho bị cáo T. Sau đó, bị cáo T mang chiếc điện thoại di động trên đến Công ty TNHH TM HP, địa chỉ Hùng V, Phường P, Quận N, bán cho anh Đặng Minh T được 18.000.000 đồng. Bị cáo H cho bị cáo T 500.000 đồng, còn lại 17.500.000 đồng, bị cáo H nói bị cáo T chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Phương D là vợ của bị cáo H.

- Lần thứ hai: Khoảng 7 giờ ngày 19/8/2023, bị cáo H mở cửa lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Flip 5 màu kem, còn nguyên hộp. Sau đó, bị cáo H liên hệ hẹn bị cáo T tại địa chỉ Điện Biên P, Phường J, Quận A đưa chiếc điện thoại di động trên cho bị cáo T bán giúp. Bị cáo T cầm chiếc điện thoại trên

đi bán nhưng không được nên đề nghị bị cáo H đổi với chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Flip 3, bị cáo T bù thêm cho bị cáo H số tiền 8.000.000 đồng, bị cáo H đồng ý. Sau đó, bị cáo H đưa chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Flip 3 cho chị Nguyễn Thị Phương D là vợ bị cáo H sử dụng.

- Lần thứ ba: Sáng ngày 26/8/2023, bị cáo H mở cửa lấy 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy A34 màu xanh lá, còn nguyên hộp. Sau đó, bị cáo H mang đến trước địa chỉ Điện Biên P, Phường J, Quận A giao cho bị cáo T bán giúp. Bị cáo T đề nghị bị cáo H đổi chiếc điện thoại trên lấy máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A8 màu đen và bị cáo T bù cho bị cáo H 1.000.000 đồng, bị cáo H đồng ý. Sau đó, bị cáo T mang chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A34 đến Công ty TNHH TM HP bán cho anh Đặng Minh T được 4.000.000 đồng. Chiếc máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A8 bị cáo H mang về sử dụng.

- Lần thứ tư: Sáng ngày 30/8/2023, bị cáo H mở cửa lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14, còn nguyên hộp. Sau đó, bị cáo H liên hệ và mang đến trước địa chỉ Điện Biên P, Phường J, Quận A đưa cho bị cáo T bán giúp. Bị cáo T mang chiếc điện thoại di động trên đến Công ty TNHH TM HP bán cho anh Đặng Minh T được 13.000.000 đồng. Bị cáo T đưa cho bị cáo H 12.500.000 đồng, còn 500.000 đồng bị cáo H cho bị cáo T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 trưng cầu định giá tài sản bị chiếm đoạt. Kết luận định giá tài sản số 4063/KL-HĐĐGTS ngày 20/9/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung S23 Ultra, màu xanh, hàng chính hãng, dung lượng 256 GB, có giá 24.000.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Flip 5, màu kem, hàng chính hãng, dung lượng 512 GB, trị giá 25.000.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại động hiệu Samsung A34 5G, màu xanh lá, hàng chính hãng, dung lượng 512 GB, trị giá 7.500.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14, hàng chính hãng, phiên bản quốc tế, dung lượng 128GB, trị giá 23.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 chiếc điện thoại có giá trị: 79.500.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, bị cáo Đỗ Ngọc H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Lời khai của bị cáo H phù hợp với các chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập. Đồng thời, bị cáo H khai thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản một mình và không bàn bạc gì với ai. Bị

cáo T không biết bị cáo H lấy tài sản từ khi nào, lấy như thế nào và không hứa hẹn trước với bị cáo H về việc sẽ bán tài sản trộm cắp được cho bị cáo H, khi lấy được tài sản rồi thì bị cáo H mới liên hệ với bị cáo T bán giúp. Khi đưa chiếc điện thoại hiệu Samsung S23 Ultra vào ngày 22/6/2023, bị cáo H có nói cho bị cáo T biết là do bị cáo H lấy trộm mà có, những lần sau thì bị cáo T và bị cáo H tự hiểu. Khi bị cáo H nói bị cáo T chuyển khoản 17.500.000 đồng đến tài khoản ngân hàng của chị D thì chị D không biết số tiền trên là tiền bán điện thoại di động do bị cáo H trộm cắp mà có. Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Flip 3 và máy tính bảng Samsung Tab A8 có được từ việc đổi cho bị cáo T, khi mang về nhà bị cáo H nói mua của bị cáo T và đưa cho chị D sử dụng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, bị cáo Huỳnh Trần Quốc T khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo H như trên. Đồng thời, bị cáo T khai khi mang 03 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung S23 Ultra; Samsung Galaxy A34; Iphone 14 đến cửa hàng HP bán cho anh Đặng Minh T nói bán để nâng cấp đời máy, không nói nguồn gốc do đâu mà có, bị cáo T được hưởng 1.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, bà Nguyễn Thị Phương D khai không biết số tiền 17.500.000 đồng chuyển vào tài khoản là do bị cáo H phạm tội mà có. Sau khi nhận số tiền trên, chị D chuyển khoản số tiền 13.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của bị cáo H, còn 4.000.000 đồng giữ lại lo chi phí sinh hoạt gia đình. Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Flip 3 và máy tính bảng Samsung Tab A8 bị cáo H nói mua của bị cáo T và đưa cho chị D sử dụng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, ông Đặng Minh T là chủ cửa hàng HP khai không biết 03 chiếc điện thoại bị cáo T mang đến bán do phạm tội mà có. Những chiếc điện thoại trên ông T đã bán lại cho người khác, hiện không rõ nhân thân lai lịch.

Vật chứng vụ án:

- Một chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Flip 5 có số IMEI1: 350925831610xxx; IMEI 2: 3508169161xxx, là tài sản của Công ty cổ phần đầu tư thương mại phát triển Nhất T; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Flip 3 có số IMEI: 350923225856xxx; 01 chiếc máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A8 màu đen có số IMEI: 353289/76/277097/x, là tài sản có được từ việc trao đổi tài sản do bị cáo H phạm tội mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả lại những tài sản trên cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại phát triển Nhất T.

- Một chìa khóa bằng kim loại có chữ YALE. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả lại những tài sản trên cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại phát triển Nhất T.

- Một xe môtô nhãn hiệu Wave S, biển số 51U7-13xx; số khung: Y-8475XX; số máy: E-66671xx thu giữ của bị cáo H. Kết quả giám định số khung số máy không đổi. Kết quả xác minh xe trên do bà Nguyễn Thị Phương D, địa chỉ: Âu C, Phường C, Quận O đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Chị D khai là vợ của bị cáo H, do bị cáo H không có xe đi làm thì cho mượn, việc bị cáo H dùng xe để giấu điện thoại trộm được bà Dung không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả chiếc xe trên cho chị D.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax 256Gb có số IMEI 1: 356200545967xxx; IMEI 2: 35620054522xxx, bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 chiếc điện thoại di dộng hiệu Redmi Note 9, số IMEI1: 867406047684xxx; số IMEI 2: 86740604664xxx, bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội.

- Số tiền 1.000.000 đồng do phạm tội mà có, bị cáo T tự nguyện giao nộp.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 có Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường từ gia đình bị cáo H nên không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSQ10 ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bị cáo Đỗ Ngọc H về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Huỳnh Trần Quốc T về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Tại phiên toà bị cáo và người đại diện theo uỷ quyền của bị hại xác nhận tài sản bị cáo H chiếm đoạt, phía bị hại không giao cho bị cáo H quản lý mà do người khác quản lý.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo đối với xã hội, bị hại và nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại và bị hại có đơn bãi nại; bị cáo T đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn), tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (các bị cáo đều phạm tội hai lần trở lên); đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo: Đỗ Ngọc H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo: Huỳnh Trần Quốc T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ, miễn phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Ý kiến của bị hại: Đồng ý với mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do các bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự

khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Đỗ Ngọc H đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại để thực hiện hành vi lấy trộm 04 chiếc điện thoại di động, tài sản bị cáo H chiếm đoạt có tổng trị giá là 79.500.000 đồng nên bị cáo Đỗ Ngọc H bị truy tố và xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với bị cáo Huỳnh Trần Quốc T mặc dù không hứa hẹn trước với bị cáo H nhưng sau khi bị cáo H lấy được tài sản đã nhờ bị cáo T tiêu thụ, bị cáo T biết rõ tài sản bị cáo H có được là do phạm tội mà có nhưng đã tiêu thụ nên bị cáo Huỳnh Trần Quốc T bị truy tố và xét xử về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo lần này cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo Đỗ Ngọc H ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Đối với bị cáo Huỳnh Trần Quốc T. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của địa phương, quá trình thực hiện hành vi bị cáo thu lợi bất chính số tiền chỉ 1.000.000 đồng và do bị cáo Đỗ Ngọc H là cậu ruột của mình nên bị cáo có sự nể nang, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục đối với bị cáo và khấu trừ phần trăm thu nhập trong thời gian chấp hành án, bị cáo

phải chấp hành đúng nghĩa vụ của người bị kết án cải tạo không giam giữ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Ngoài ra xét thấy các bị cáo phạm tội nhưng có nhân thân tốt nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều phạm tội hai lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại và được bị hại có đơn bãi nại; bị cáo T tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tương ứng đối với từng bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax 256Gb có số IMEI 1: 356200545967xxx; IMEI 2: 35620054522xxx và 01 chiếc điện thoại di dộng hiệu Redmi Note 9, số IMEI1: 867406047684xxx; số IMEI 2: 86740604664xxx. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo sử dụng các tài sản trên vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo T đã tự nguyện giao nộp. Hội đồng xét xử xét thấy đây là số tiền do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đỗ Ngọc H;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; Điều 36; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Trần Quốc T;

- Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Ngọc H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Trần Quốc T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/9/2023.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Trần Quốc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án hoặc trích sao bản án.

Giao bị cáo Huỳnh Trần Quốc T cho Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% (mười phần trăm) thu nhập đối với bị cáo Huỳnh Trần Quốc T trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo Huỳnh Trần Quốc T không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax 256Gb có số IMEI 1: 356200545967xxx; IMEI 2: 35620054522xxx; 01 chiếc điện thoại di dộng hiệu Redmi Note 9, số IMEI 1: 867406047684xxx; số IMEI 2: 86740604664xxx và số tiền 1.000.000 đồng.

(Tình trạng vật chứng: Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/01/2024 giữa Công an Quận 10 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10).

Buộc mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án;

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSNDTP.HCM (1)
- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (3)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (7)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết